



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Ngày 31/12/2024	700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	-

DT thuần Q4/24
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03 -36.3%
YoY: ▼115 -100.0%

LN thuần Q4/24
-64.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.2 -138%
YoY: ▼24.8 -63.1%

LN sau thuế Q4/24
-64.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼37.2 -137%
YoY: ▼24.9 -63.3%

Tỷ suất lãi EBIT 2024
-245%
YoY: +/-▼ 236%

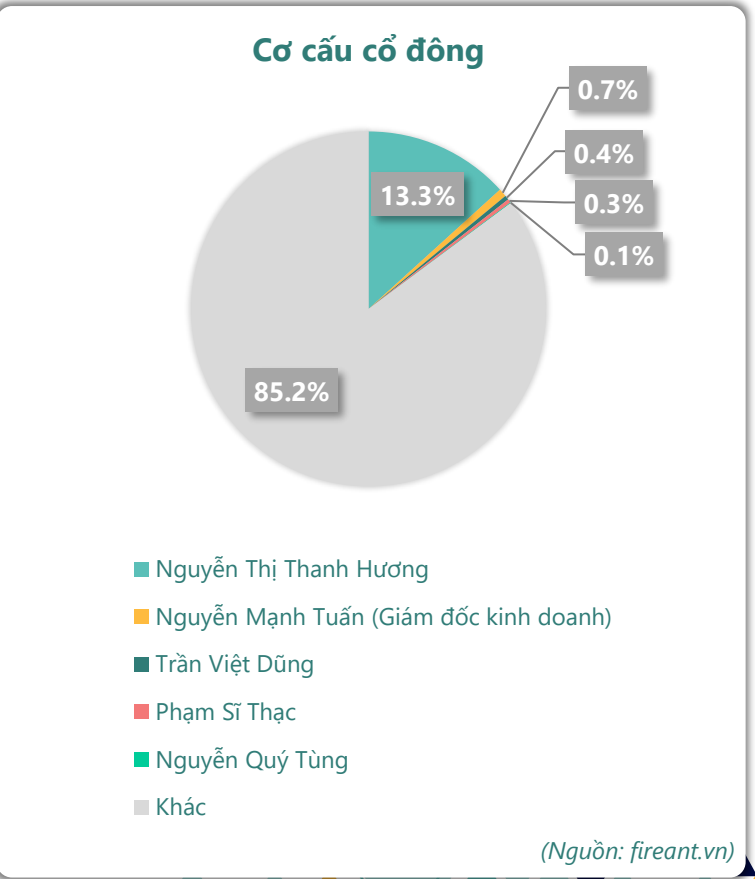
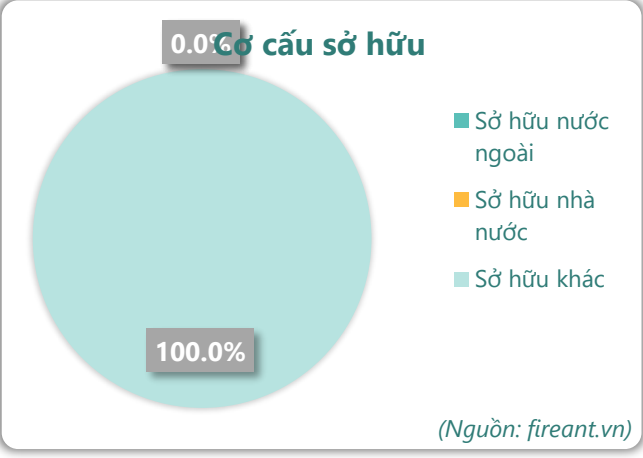
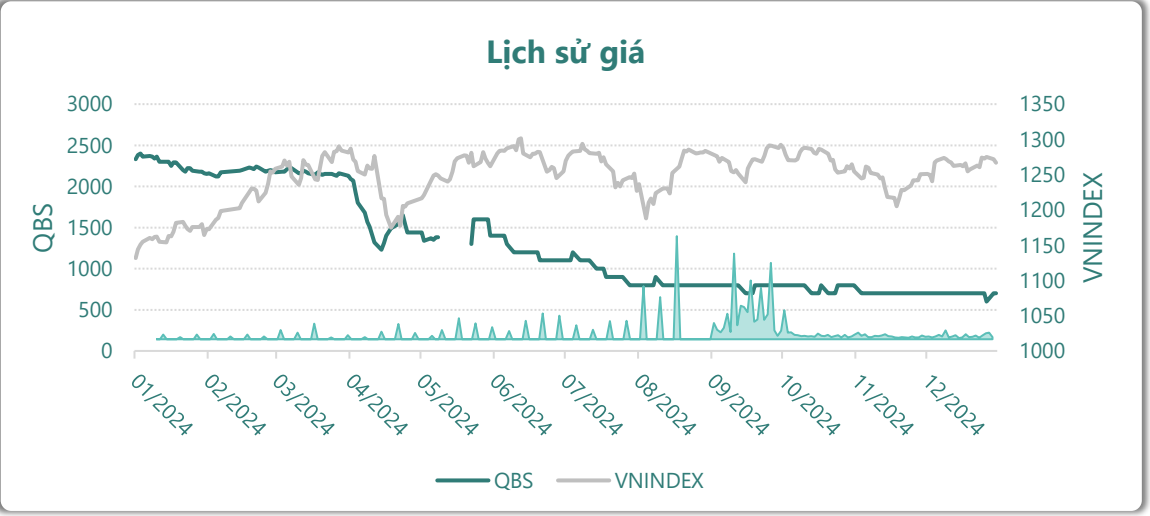
ROE 2024
-37.5%
YoY: +/-▼ 28.7%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	49
Số lượng CPLH (CP)	69,329,928
KLGD BQ 20 phiên (CP)	71,710
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.93
EPS	-2,026
P/E	-0.3

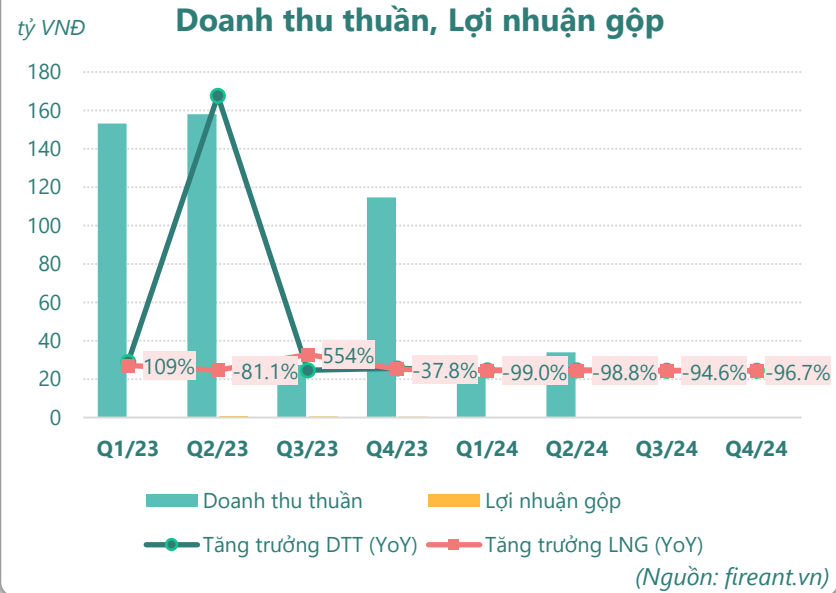
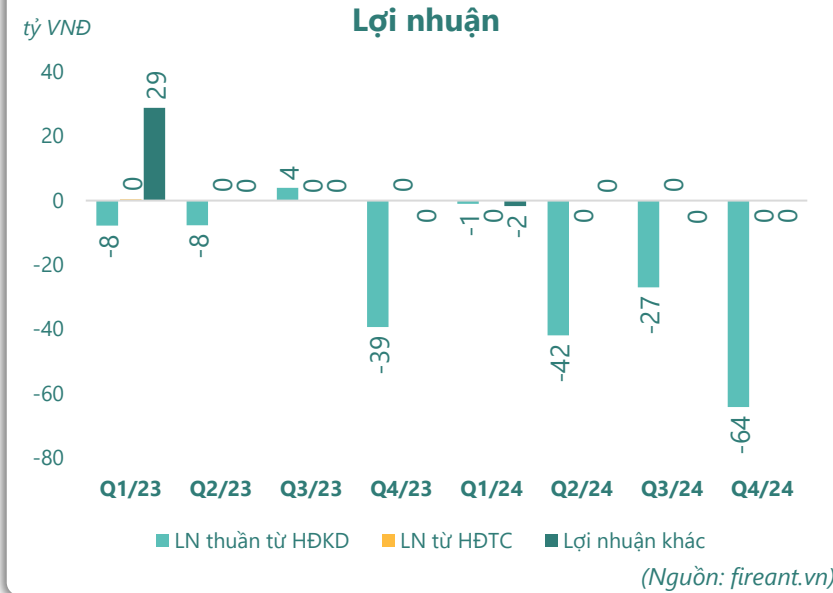
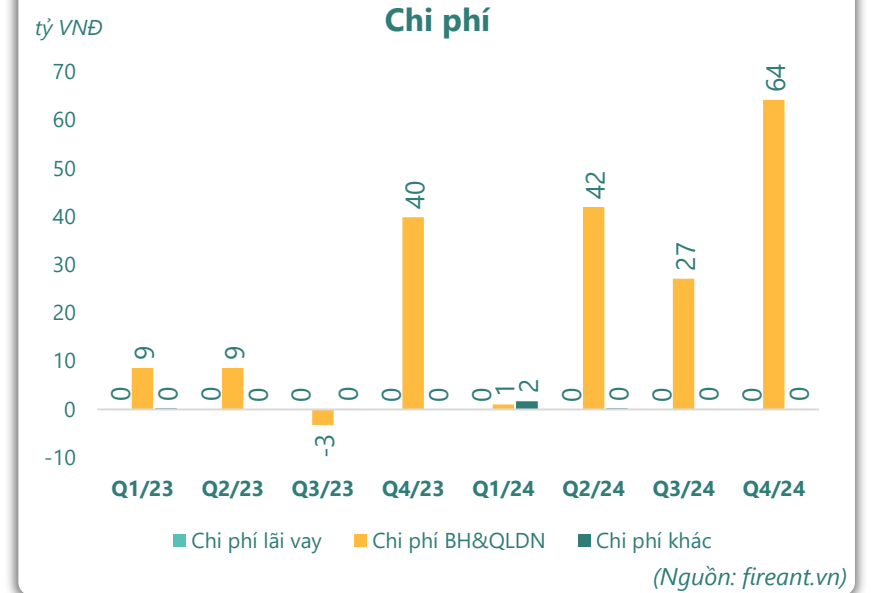
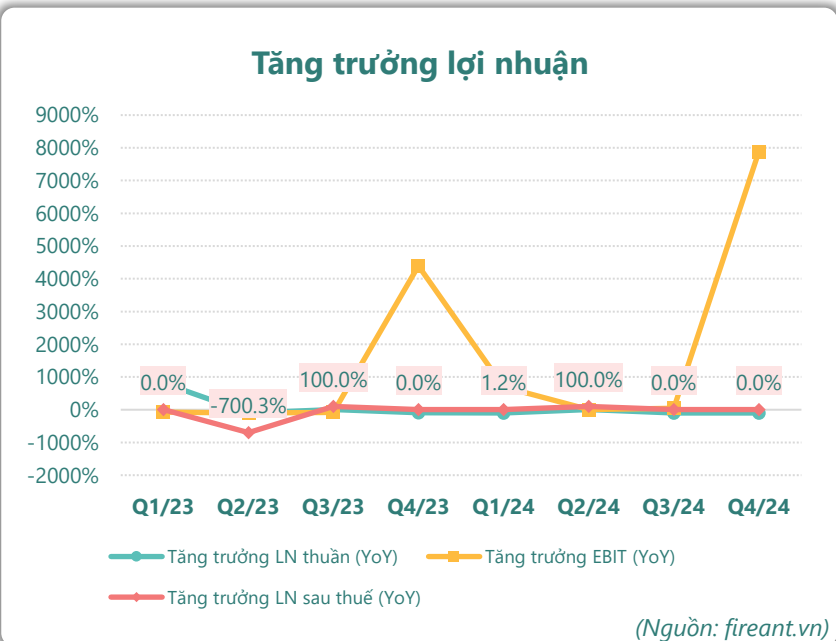
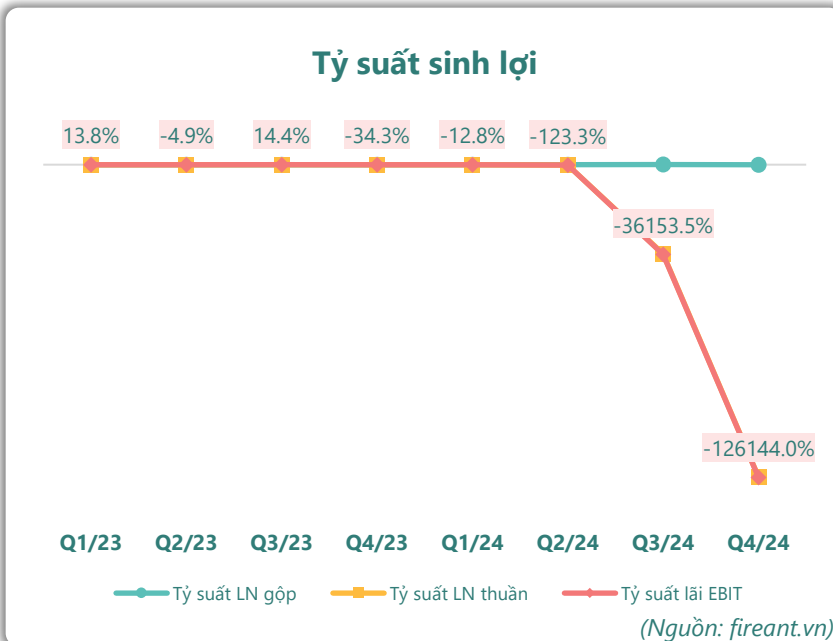
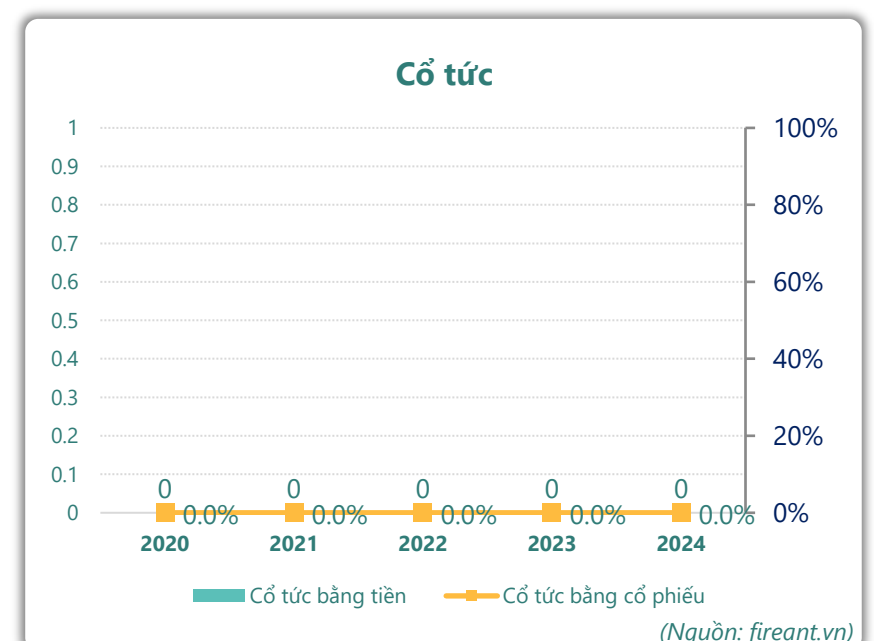
DT thuần 2024
55.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼398 -87.7%

LN thuần 2024
-134
tỷ VNĐ
YoY: ▼64.1 -92.0%

LN sau thuế 2024
-140
tỷ VNĐ
YoY: ▼99.0 -242%



KẾT QUẢ KINH DOANH

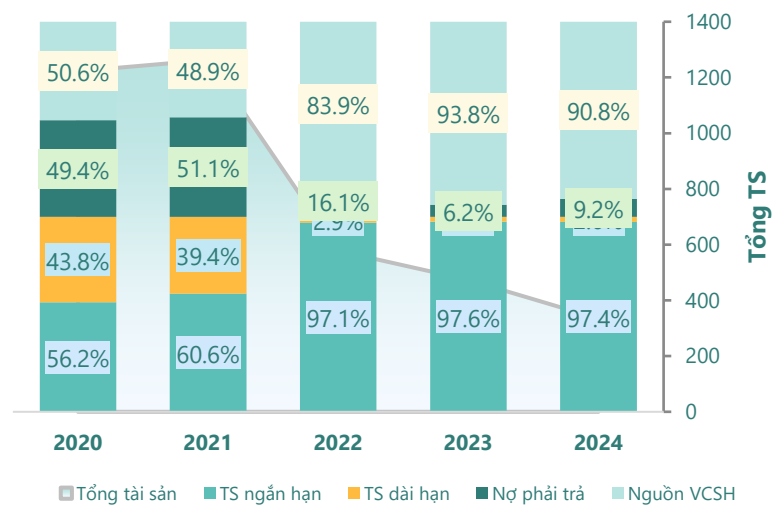




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

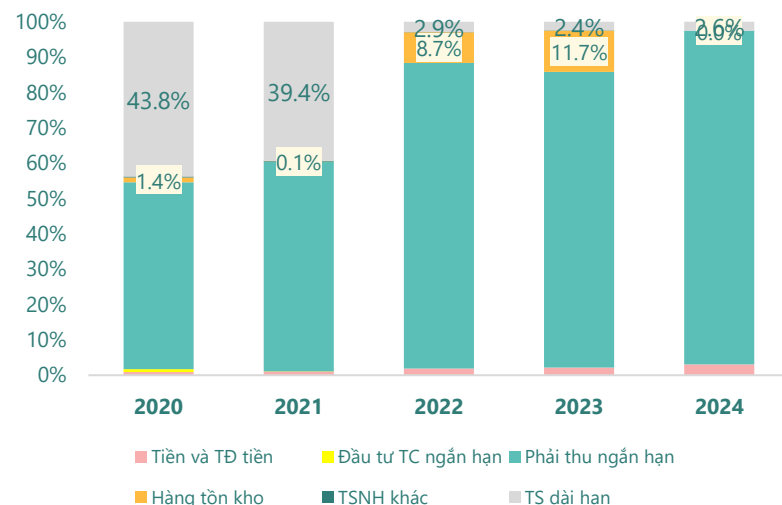
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

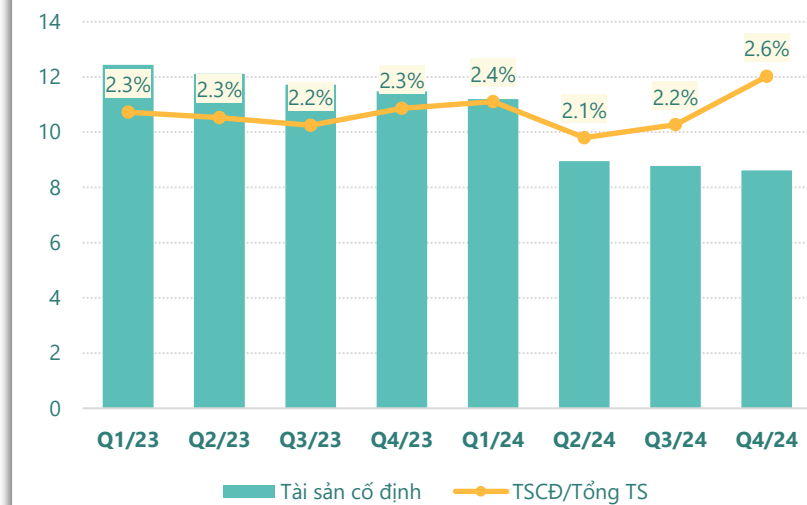
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

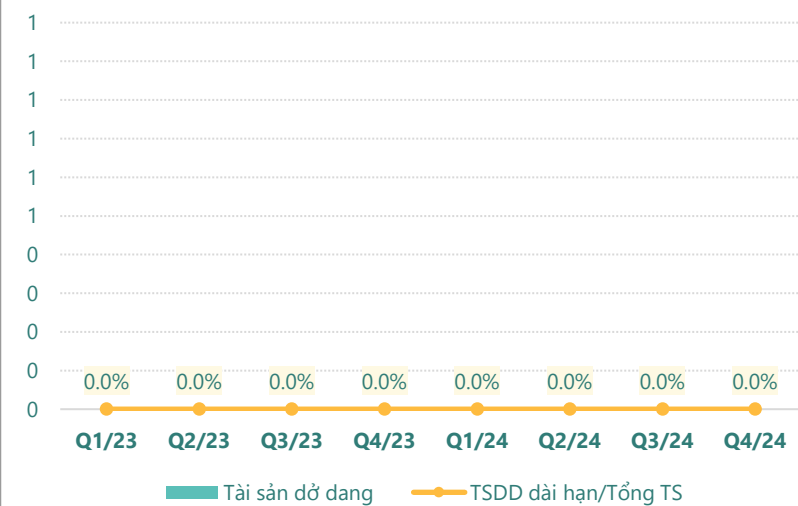
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

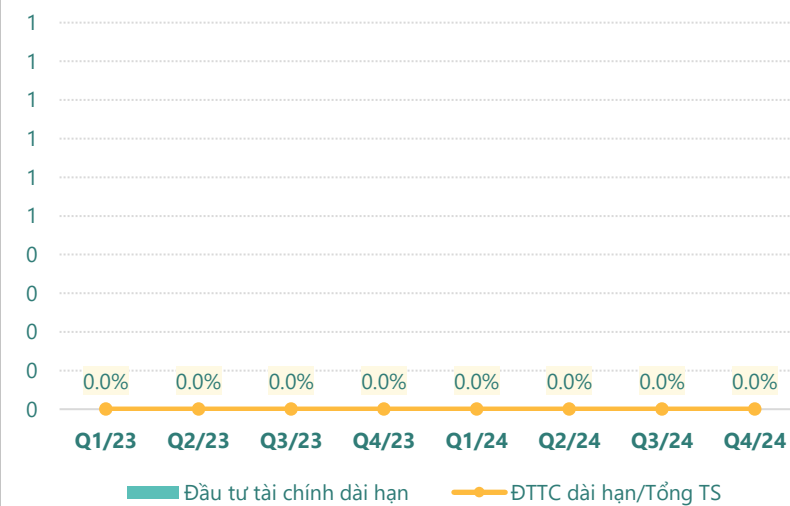
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

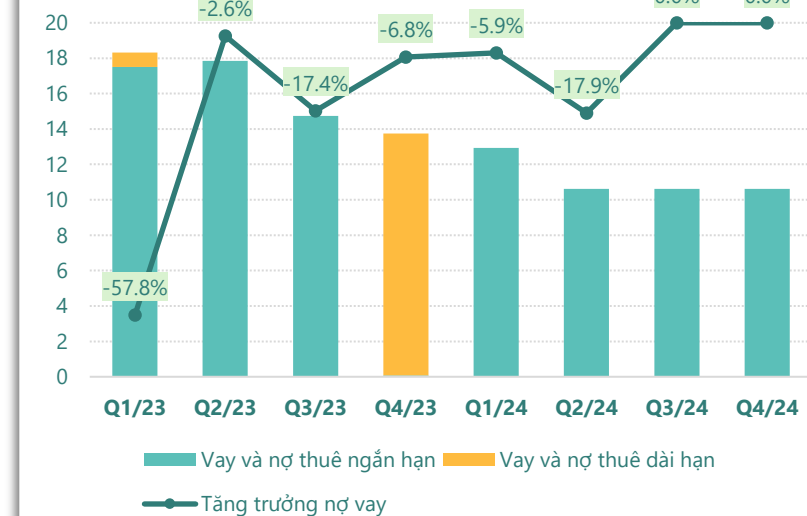
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

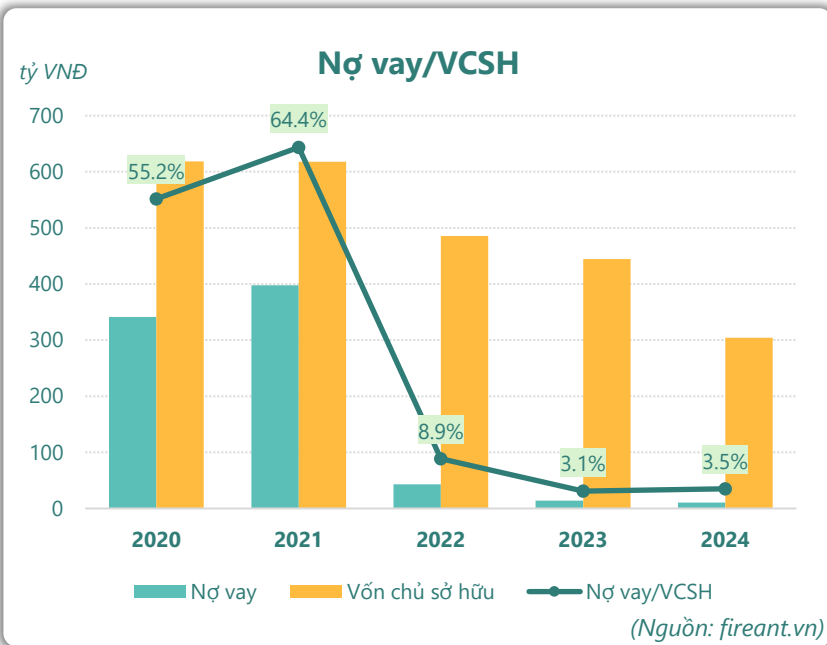
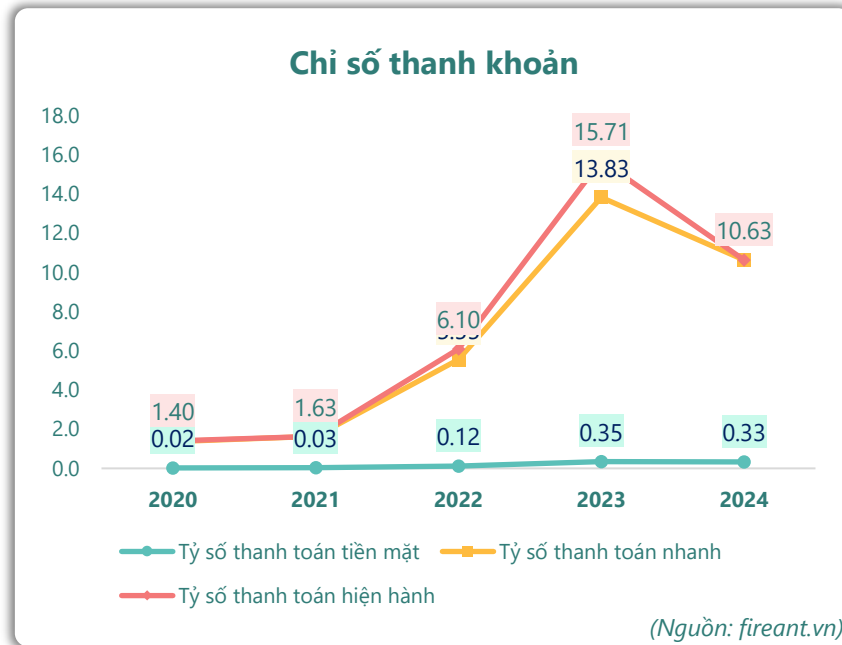
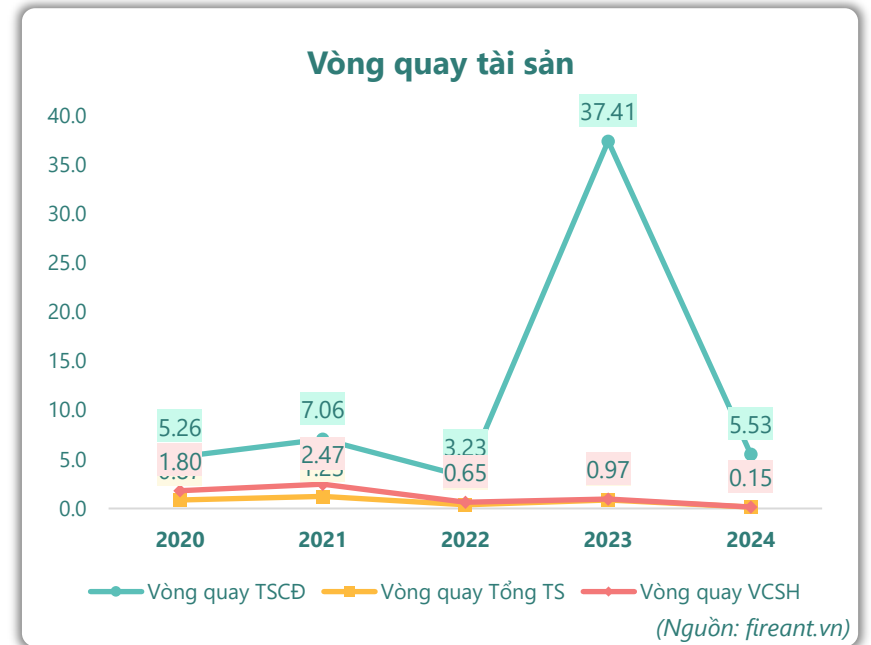
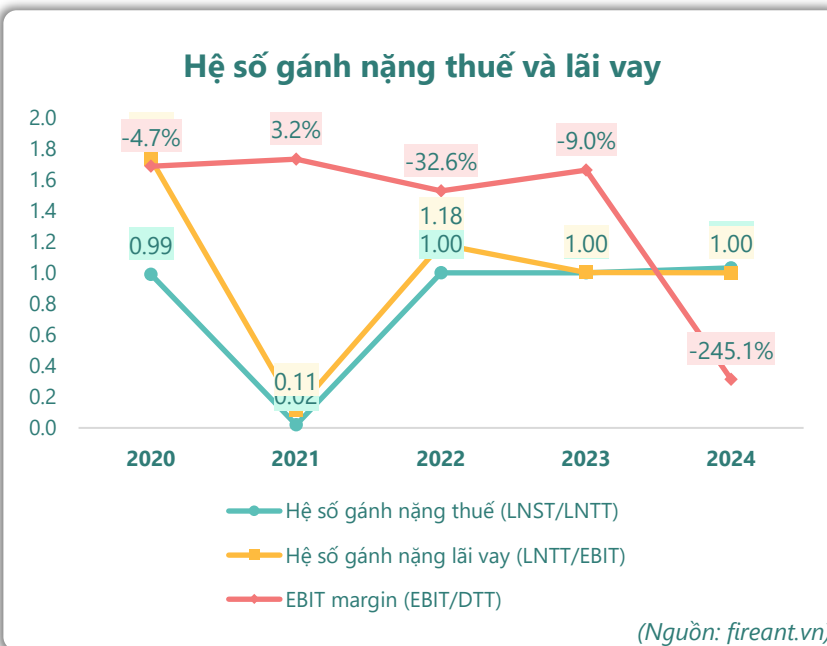
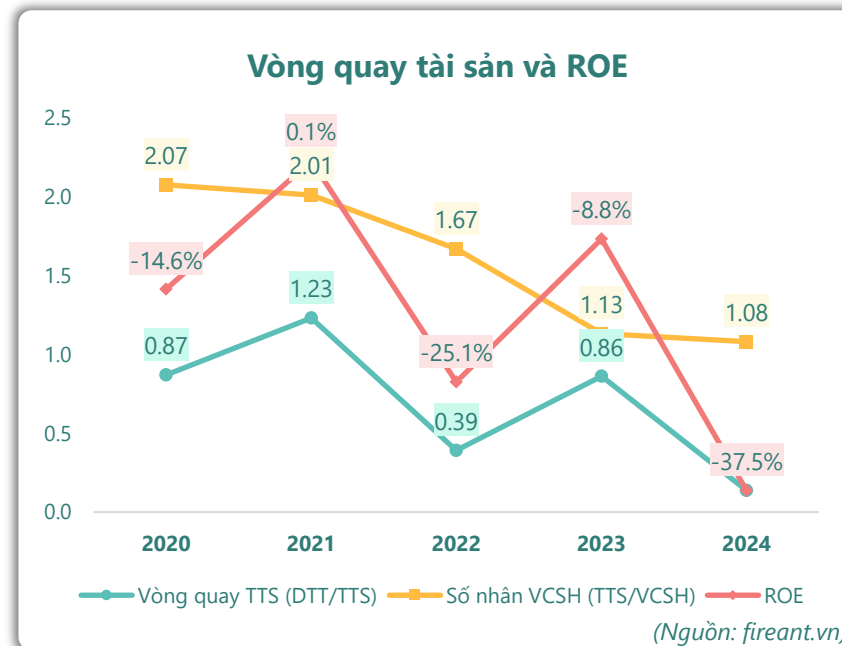
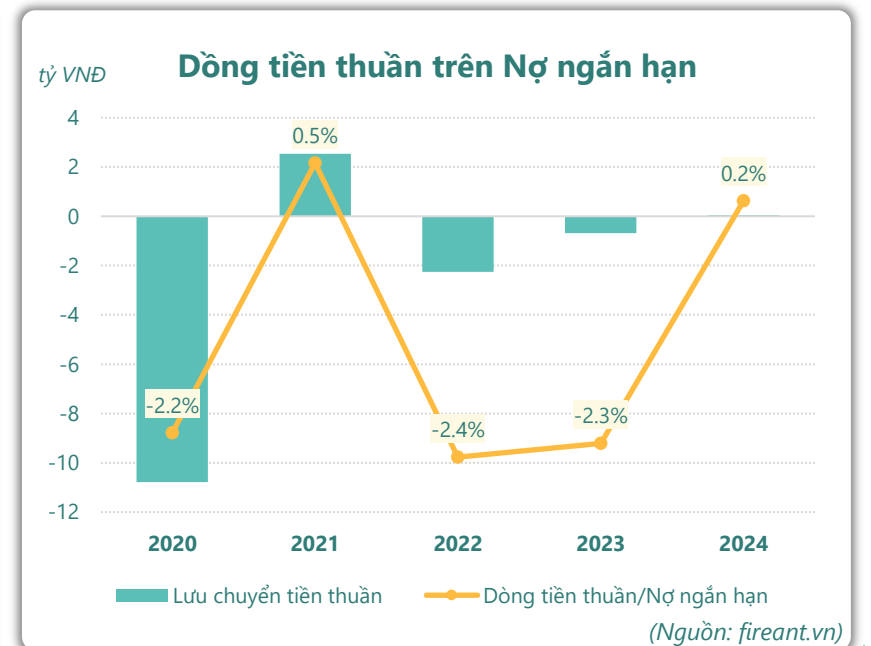
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.05	115	-100.0%	55.5	453	-87.7%
Giá vốn hàng bán	0.04	114	-100.0%	55.5	451	-87.7%
Lợi nhuận gộp	0.01	0.41	-96.6%	0.06	2.24	-97.1%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.09	-46.7%	0.30	0.50	-39.4%
Chi phí TC	0.10	0.00		0.23	-0.15	248%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.10	-99.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.01	0.01	35.5%	0.05	0.05	0.0%
Chi phí QLDN	64.2	39.9	60.9%	134	72.7	84.6%
LN thuần từ HĐKD	-64.2	-39.4	-63.1%	-134	-69.9	-92.0%
Lợi nhuận khác	-0.09	0.00		-1.93	28.9	-107%
LN trước thuế	-64.3	-39.4	-63.3%	-136	-41.0	-232%
Lợi nhuận sau thuế	-64.3	-39.4	-63.3%	-140	-41.0	-242%
LNST của CĐ cty mẹ	-64.3	-39.4	-63.3%	-140	-41.0	-242%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.90	0.62	0.90	-0.02	-0.20	-0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.23	0.06	0.08	2.30	0.16	0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.10	-1.00	-0.82	-2.31	0	0
Tiền đầu kỳ	10.5	10.5	10.2	10.3	10.3	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	0.03	-0.32	0.16	-0.03	-0.04	-0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	-0.07	0.07	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	10.5	10.2	10.3	10.3	10.3	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	335	474	-29.4%
Tài sản ngắn hạn	326	462	-29.5%
Tiền và tương đương tiền	10.2	10.2	0.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	316	396	-20.3%
Hàng tồn kho	0	55.3	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.58	-96.5%
Tài sản dài hạn	8.62	11.5	-24.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.62	11.5	-24.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.00	0.00	-40.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	30.7	29.4	4.2%
Nợ ngắn hạn	30.7	29.4	4.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.6	13.7	-22.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.21	7.08	1.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	304	444	-31.6%
Vốn chủ sở hữu	304	444	-31.6%
Vốn điều lệ	693	693	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

